TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐẮK MIL** **TỈNH ĐẮK NÔNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **48**/2020/DS-ST
Ngày: 08/10/2020
"V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK MIL

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thế Hạnh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phan Sỹ Phác, ông Nguyễn Tiến Tịnh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đinh Thế Toàn – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông tham gia phiên toà: Bà Ngô Thị Thanh – Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 10 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 209/2020/TLST-DS, ngày 15 tháng 7 năm 2020 về tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 48a/2020/QĐXX-ST ngày 04 tháng 9 năm 2020 giữa:

*/ *Nguyên đơn:* Ngân hàng N; Địa chỉ: Số 02 LH, phường TC, quận B, Thành phố Hà Nội.

- *Người đại diện theo pháp luật:* Ông Tiết Văn T – Tổng giám đốc.

- *Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:* Ông Phan Công Q – Giám đốc Ngân hàng N – Chi nhánh Đắk Nông.

- *Người được ông Phan Văn Q ủy quyền lại:* Ông Trần Hải Đ – Giám đốc Ngân hàng N – Chi nhánh Đắk Nông, Phòng giao dịch ĐL. địa chỉ: Số 91 NTT, thị trấn M, huyện M, tỉnh Đắk Nông. (có mặt).

*/ *Bị đơn:* Ông Trịnh Văn Đ, sinh năm 1981; bà Lê Thị Hồng N, sinh năm 1982; Địa chỉ: thôn TL, xã G, huyện M, tỉnh Đắk Nông. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Theo nội dung đơn khởi kiện, lời khai của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Trần Hải Đ trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa thì:* Theo hợp đồng tín dụng số 5300-LAV-201405807, ngày 22/01/2014, ông Trịnh Văn Đ, bà Lê Thị Hồng N được Ngân hàng N – Chi nhánh Đắk Nông – Phòng giao dịch ĐL đồng ý phê duyệt và giải ngân cho vay số tiền 100.000.000 đồng, thời hạn thanh toán kỳ đầu ngày 19/01/2015 với số tiền thanh toán

20.000.000đồng, thời hạn trả kỳ cuối ngày 19/01/2016 với số tiền 80.000.000 đồng, lãi suất 12%/năm, lãi suất quá hạn 150% lãi suất vay đã thỏa thuận, trả tiền lãi 06 tháng/1 lần, mục đích vay để sữa chữa nhà ở và mua sắm vật dụng gia đình. Từ khi vay thì ông Trịnh Văn Đ, bà Lê Thị Hồng N mới trả cho ngân hàng tiền lãi của 06 tháng đầu là 6.066.666 đồng. Từ đó cho đến nay không trả thêm cho ngân hàng số tiền nào, cũng không thực hiện đúng cam kết trong hợp đồng tín dụng đã ký kết.

Để đảm bảo cho khoản vay ông Đ, bà N có thế chấp tại Ngân hàng quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 458, tờ bản đồ số 14, diện tích 289m^2, đất tọa lạc tại: thôn 04, xã R, huyện M, tỉnh Đắk Nông (theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 619/HDTC, ngày 20/01/2014 và được đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 21/01/2014 tại Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện M, tỉnh Đắk Nông).

Tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn yêu cầu ông Trịnh Văn Đ, bà Lê Thị Hồng N phải có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng N – Chi nhánh Đắk Nông – Phòng giao dịch ĐL tổng số tiền tính đến 19/01/2019 là 174.183.334 đồng. (Trong đó nợ gốc là 100.000.000 đồng; tiền lãi trong hạn còn nợ từ ngày 22/01/2014 đến ngày 19/01/2015 là 362 ngày x 12%/năm = 12.0666.667 đồng đã trả 6.066.666 đồng còn nợ lại là 6.000.001 đồng; lãi quá hạn của số tiền 20.000.000 đồng từ ngày 20/01/2015 đến 19/01/2016 là 365 ngày x 18%/năm = 3.650.000 đồng; tiền lãi trong hạn của số tiền 80.000.000 đồng từ ngày 20/01/2015 đến ngày 19/01/2016 là 365 ngày x 12%/năm = 9.733.333 đồng; lãi quá hạn của số tiền 100.000.000 đồng từ ngày 20/01/2016 đến 19/01/2019 là 1.096 ngày x 18%/năm = 54.800.000 đồng) và tiếp tục phải chịu lãi suất phát sinh theo hợp đồng tín dụng kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sở thẩm cho đến khi thanh toán xong nợ. Trường hợp ông Trịnh Văn Đ, bà Lê Thị Hồng N không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ thì yêu cầu xử lý tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất thửa đất số 458, tờ bản đồ số 14, diện tích 289m^2, đất tọa lạc tại thôn 4, xã R, huyện M, tỉnh Đắk Nông, được UBND huyện M cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AL 412208, ngày 25/10/2007 đứng tên ông Trịnh Văn Đ, bà Lê Thị Hồng N để đảm bảo thực hiện nghĩa vụ trả nợ.

- Đối với bị đơn ông Trịnh Văn Đ, bà Lê Thị Hồng N, theo biên bản xác minh tại UBND xã G, huyện M nơi bị đơn ông Trịnh Văn Đ, bà Lê Thị Hồng N sinh sống thì bị đơn ông Trịnh Văn Đ, bà Lê Thị Hồng N có đăng ký Hộ khẩu thường trú tại thôn TL, xã G, huyện M, tỉnh Đắk Nông nhưng hiện nay vắng mặt tại địa phương. Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông đã tiến hành thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng để ấn định thời gian làm việc tại Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông, tuy nhiên bị đơn ông Trịnh Văn Đ, bà Lê Thị Hồng N vẫn vắng mặt không có lý do.

Về tài sản thế chấp: Ngày 20/8/2020 TAND huyện Đắk Mil đã tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ: Thửa đất số 458, tờ bản đồ số 14, diện tích 289m^2, đất tọa lạc tại thôn 4, xã R, huyện M, tỉnh Đắk Nông, được UBND huyện M cấp giấy

chứng nhận quyền sử dụng đất số AL 412208, ngày 25/10/2007 đứng tên ông Trịnh Văn Đ, bà Lê Thị Hồng N phù hợp với bản đồ giải thửa; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và trên thực tế phù hợp, đúng vị trí.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Mil phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án.

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật từ khi thụ lý đến trước thời điểm HĐXX nghị án. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của nguyên đơn theo quy định pháp luật; Bị đơn chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của bị đơn theo quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 144, Điều 147, Điều 157, Điều 177, Điều 179, Điều 180, Điều 227, Điều 228 của BLTTDS năm 2015; Áp dụng các 471, Điều 474, Điều 476, Điều 478 của BLDS năm 2005; Điều 429, Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 470, Điều 688 của BLDS năm 2015; Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng; Điều 13 Thông tư số 39/2016 ngày 30/12/2016 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng; Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP, ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn ông Trịnh Văn Đ, bà Lê Thị Hồng N phải có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng N - Chi nhánh Đắk Nông - Phòng giao dịch ĐL số tiền 174.183.334 đồng (trong đó nợ gốc là 100.000.000 đồng; tiền lãi suất trong hạn, lãi suất quá hạn phát sinh theo hợp đồng tín dụng từ ngày 22/01/2014 đến ngày 19/01/2019 là 74.183.334 đồng). Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong khoản tiền nợ gốc, bị đơn còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất các bên đã thỏa thuận, nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật.

- Về chi phí xem xét thẩm định: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải hoàn trả cho nguyên đơn số tiền 1.500.000 đồng đã nộp trong quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án.

- Về lệ phí: Nguyên đơn nộp chi phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng số tiền 3.000.000 đồng.

- Về án phí: Bị đơn phải chịu theo quy định của pháp luật, trả lại tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án tranh chấp hợp đồng tín dụng, bị đơn ông Trịnh Văn Đ, bà Lê Thị Hồng N có hộ khẩu thường trú tại thôn TL, xã G, huyện M, tỉnh Đắk Nông. Do đó, Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil thụ lý là đúng quy định tại khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của BLTTDS năm 2015 và khoản khoản 3 Điều 25, khoản 1 Điều 35 của BLTTDS năm 2005 sửa đổi bổ sung năm 2011.

Đối với bị đơn ông Trịnh Văn Đ, bà Lê Thị Hồng N vắng mặt tại địa phương, Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil đã tiến hành niêm yết hợp lệ, thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng theo quy định của pháp luật. (Được phát sóng trên đài tiếng nói Việt Nam ba lần trong 03 ngày liên tiếp và đăng thông báo ấn định thời gian làm việc trên báo công lý trong ba số liên tiếp), nhưng vẫn không có tin tức gì của ông Trịnh Văn Đ, bà Lê Thị Hồng N. Việc ông Trịnh Văn Đ, bà Lê Thị Hồng N không đến Tòa án làm việc; không cung cấp tài liệu, chứng cứ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình nên phải chịu hậu quả về việc không đưa ra chứng cứ để chứng minh theo khoản 4 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227 và Điều 228 của BLTTDS năm 2015 và Nghị quyết số: 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05 tháng 5 năm 2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối Cao, để tiến hành giải quyết, xét xử vắng mặt bị đơn ông Trịnh Văn Đ, bà Lê Thị Hồng N là đúng quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung vụ án: Do có nhu cầu vay vốn ông Trịnh Văn Đ, bà Lê Thị Hồng N có ký kết hợp đồng tín dụng số 5300-LAV-201405807, ngày 22/01/2014 để vay vốn tại Ngân hàng N – Chi nhánh Đắk Nông – Phòng giao dịch ĐL, sau khi ký kết hợp đồng tín dụng ông Đ, bà N được Ngân hàng giải ngân cho vay số tiền 100.000.000 đồng, thời hạn thanh toán kỳ đầu ngày 19/01/2015 với số tiền thanh toán 20.000.000, thời hạn trả kỳ cuối ngày 19/01/2016 với số tiền 80.000.000, lãi suất 12%/năm, lãi suất quá hạn 150% lãi suất vay đã thỏa thuận, trả tiền lãi 06 tháng/1 lần, mục đích vay để sữa chữa nhà ở và mua sắm vật dụng gia đình. Để đảm bảo cho khoản vay ông Đ, bà N có thế chấp tại Ngân hàng quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 458, tờ bản đồ số 14, diện tích 289m^2, đất tọa lạc tại thôn 04, xã R, huyện M, tỉnh Đắk Nông (theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 619/HDTC, ngày 20/01/2014 và được đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 21/01/2014 tại Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện M, tỉnh Đắk Nông).

Đến thời hạn trả nợ ông Đ, bà N vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng tín dụng đã kí kết cho Ngân hàng mà chỉ trả lãi một kỳ đầu với số tiền 6.066.666 đồng. Vì vậy Ngân hàng N – Chi nhánh Đắk Nông – Phòng giao dịch ĐL khởi kiện để yêu cầu gia đình ông Trịnh Văn Đ, bà Lê Thị Hồng N thanh toán nợ cho Ngân hàng là phù hợp.

[3] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[3.1] Về nợ gốc: Theo hợp đồng tín dụng số 5300-LAV-201405807, ngày 22/01/2014, ông Trịnh Văn Đ, bà Lê Thị Hồng N được Ngân hàng N – Chi nhánh Đắk Nông – Phòng giao dịch ĐL cho vay số tiền 100.000.000 đồng, thời hạn vay 24 tháng, thời hạn thanh toán kỳ đầu ngày 19/01/2015 với số tiền thanh toán 20.000.000 đồng, thời hạn thanh toán kỳ cuối ngày 19/01/2016 với số tiền 80.000.000 đồng, lãi suất 12%/năm, lãi suất quá hạn 150% lãi suất vay đã thỏa thuận, trả tiền lãi 06 tháng/1 lần. Tuy nhiên đến thời điểm trả nợ Ngân hàng N – Chi nhánh Đắk Nông – Phòng giao dịch ĐL đã nhiều lần yêu cầu ông Đ, bà N phải có nghĩa vụ thanh toán nợ, nhưng ông Đ, bà N vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng tín dụng các bên đã thỏa thuận là đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay. Do đó Ngân hàng N – Chi nhánh Đắk Nông – Phòng giao dịch ĐL làm đơn khởi kiện tại Tòa án yêu cầu ông Trịnh Văn Đ, bà Lê Thị Hồng N phải có nghĩa vụ thanh toán nợ gốc với số tiền 100.000.000 đồng là phù hợp với quy định của pháp luật, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3.2] Về lãi suất tiền vay:

Theo nội dung thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng đã được ký kết thì ngoài số tiền gốc thì ông Đ, bà N còn phải có nghĩa vụ thanh toán số tiền lãi suất phát sinh theo hợp đồng tín dụng cho Ngân hàng, tuy nhiên ông Đ, bà N không thực hiện nghĩa vụ thanh toán là đã vi phạm về nghĩa vụ trả lãi của bên vay, do đó Ngân hàng N – Chi nhánh Đắk Nông – Phòng giao dịch ĐL yêu cầu ông Đ, bà N phải có nghĩa vụ thanh toán số tiền lãi trong hạn và quá hạn theo hợp đồng tín dụng từ khi vay 22/01/2014 cho đến ngày 19/01/2019 với số tiền 74.183.334 đồng là phù hợp với quy định của pháp luật, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng quy định.

1. Tổ chức tín dụng được quyền ấn định và phải niêm yết công khai mức lãi suất huy động vốn, mức phí cung cấp dịch vụ trong hoạt động kinh doanh của tổ chức tín dụng.

2 Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật.

[3.3] Về hợp đồng thế chấp: Để đảm bảo cho khoản vay tại Ngân hàng ông Trịnh Văn Đ, bà Lê Thị Hồng N có thế Quyền sử dụng đất theo giấy chứng nhận số AL 412208 do Ủy ban nhân dân huyện M, tỉnh Đắk Nông cấp ngày 25/10/2007 đối với thửa đất số 458, tờ bản đồ số 14, diện tích 289m^2, đất tọa lạc tại thôn 4, xã R, huyện M, tỉnh Đắk Nông (theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 619/HDTC, ngày 20/01/2014 và được đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 21/01/2014 tại Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện M, tỉnh Đắk Nông). Hợp đồng thế chấp được công chứng, chứng thực và được đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định tại các tại các Điều 323; Điều 342; Điều 343 của BLDS năm 2005. Do đó trường hợp ông Trịnh Văn Đ, bà Lê Thị Hồng N không thanh toán được nợ thì Ngân hàng có quyền làm đơn yêu cầu Chi cục thi hành án dân sự

huyện M kê biên, xử lý tài sản thế chấp là phù hợp với quy định tại Điều 355 của BLDS năm 2005, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về lệ phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng: Nguyên đơn phải chịu số tiền 3.000.000 đồng lệ phí theo quy định Điều 180 của BLTTDS.

[5] Về chi phí xem xét thẩm định: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải hoàn trả cho nguyên đơn số tiền 1.500.000 đồng đã nộp trong quá trình giải quyết vụ án theo quy định Điều 157, Điều 165 của BLTTDS.

[6] Về án phí DSST: Bị đơn phải chịu tiền án phí sơ thẩm trên số tiền phải thanh toán cho nguyên đơn. Trả lại tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn.

Xét quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Mil tại phiên toà là có căn cứ, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 144, Điều 147, Điều 157, Điều 177, Điều 179, Điều 180, Điều 227, Điều 228 của BLTTDS năm 2015; Áp dụng các 471, Điều 474, Điều 476, Điều 478 của BLDS năm 2005; Điều 429, Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 470, Điều 688 của BLDS năm 2015; Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng; Điều 13 Thông tư số 39/2016 ngày 30/12/2016 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng; Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP, ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng N.

1. Buộc ông Trịnh Văn Đ, bà Lê Thị Hồng N phải có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng N – Chi nhánh Đắk Nông – Phòng giao dịch ĐL tổng số tiền gốc và lãi tính đến ngày 19/01/2019 là 174.183.334 đồng (Trong đó nợ gốc là 100.000.000 đồng *(Một trăm triệu đồng)*, lãi trong hạn, quá hạn phát sinh là 74.183.334 đồng *(Bảy mươi tư triệu một trăm tám mươi ba nghìn ba trăm ba mươi tư đồng)*.

"Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (09/10/2020) ông Trịnh Văn Đ, bà Lê Thị Hồng N còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay"

2. Về tài sản thế chấp:

Trường hợp ông Trịnh Văn Đ, bà Lê Thị Hồng N không thực hiện việc trả nợ thì Ngân hàng N – Chi nhánh Đắk Nông – Phòng giao dịch ĐL có quyền yêu cầu Chi cục thi hành án dân sự huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông phát mại tài sản thế chấp là Quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 458, tờ bản đồ số 14, diện tích 289m^2, đất tọa lạc tại thôn 4, xã R, huyện M, tỉnh Đắk Nông theo giấy chứng nhận số AL 412208 do Ủy ban nhân dân huyện M, tỉnh Đắk Nông cấp ngày 25/10/2007 mang tên ông Trịnh Văn Đ, bà Lê Thị Hồng N để thu hồi nợ.

3. Về án phí DSST: Ông Trịnh Văn Đ, bà Lê Thị Hồng N phải nộp 8.709.000 đồng *(Tám triệu bảy trăm lẻ chín nghìn đồng)* tiền án phí dân sự sơ thẩm. Trả cho Ngân hàng N – Chi nhánh Đắk Nông – Phòng giao dịch ĐL số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 4.996.000 đồng *(Bốn triệu chín trăm chín mươi sáu nghìn đồng*) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0003507 ngày 15/7/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện M, tỉnh Đắk Nông.

4. Về lệ phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng với số tiền 3.000.000 đồng *(Ba triệu đồng)*, Nguyên đơn phải chịu (đã nộp trong quá trình giải quyết vụ án).

5. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Ông Trịnh Văn Đ, bà Lê Thị Hồng N phải hoàn trả cho Ngân hàng N – Chi nhánh Đắk Nông – Phòng giao dịch ĐL số tiền xem xét, thẩm định tại chỗ là 1.500.000 đồng *(Một triệu năm trăm nghìn đồng)*.

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày tròn kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án Dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Đắk Nông;*
- *VKSND tỉnh Đắk Nông;*
- *VKSND huyện Đắk Mil;*
- *THADS huyện M;*
- *Những người tham gia tố tụng;*
- *Lưu.*

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Nguyễn Thế Hạnh